

Số: 44 /TB-KL

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Thời gian qua, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR có phát hiện, xử lý tịch thu 2,015m³ gỗ các loại là tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp tại Quyết định số 0125/QĐ-XPHC ngày 10/04/2025 và Quyết định số 0141/QĐ-XPHC ngày 27/06/2025.

Thực hiện quy tại khoản 1, Điều 11, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; hiện nay, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR đang xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với số gỗ trên (có bảng kê lâm sản kèm theo) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có Bảng kê lâm sản kèm theo) về Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR trước ngày 06 tháng 04 năm 2026 theo địa chỉ: Tổ dân phố Bàu Láng, phường Hà Huy Tập, tỉnh Hà Tĩnh.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận tài sản cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT.

ĐỘI TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

CHI CỤC KIỂM LÂM HÀ TĨNH
ĐỘI KIỂM LÂM CƠ ĐỘNG
VÀ PCCCR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2026/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 02

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo Thông báo số: 44TB/KL ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Trần Văn Khoa; Chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR
- Địa chỉ: Tổ dân phố Bàu Láng, phường Hà Huy Tập, tỉnh Hà Tĩnh

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

2.1. Tên tổ chức/cá nhân⁽⁴⁾: Nguyễn Đức Công

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽⁵⁾: 040089043079

- Địa chỉ⁽⁶⁾: Tổ dân phố 6, Thị trấn phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
(theo địa chỉ cũ)

2.2. Tên tổ chức/cá nhân⁽⁴⁾: Lê Văn Đông

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽⁵⁾: 040098015578

- Địa chỉ⁽⁶⁾: Xóm 7, Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (theo địa chỉ cũ)

3. Người chứng kiến ⁽⁷⁾:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽⁸⁾

TT	Số hiệu/ nhân đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tầm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m ³ hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài(10)	Dài	Rộng	Đường kính (vanh) hoặc chiều dày			
1	1	Tạp			8	3,5	20	1,5	50	0,520	
2	2	Công			5	3	20	1,5	30	0,310	
3	3	Tạp			8	3	20	1,5	20	0,180	
4	1	Tạp			8	2,0	19	2,2	7	0,058	
5	2	Vạng			8	2,0	18	2,2	4	0,031	
6	3	Nang			5	2,2	22	2,2	3	0,031	
7	4	Vạng			8	2,2	25	2,2	5	0,060	
8	5	SP			8	2,4	20	2,2	2	0,021	
9	6	Vạng			8	2,6	22	2,2	3	0,037	
10	7	Nang			5	3,7	21	2,2	2	0,034	
11	8	Tạp			8	2,6	22	2,2	5	0,062	
12	9	Tạp			8	2,5	20	2,2	2	0,022	
13	10	Vạng			8	3,0	22	2,2	3	0,043	
14	11	Xoài			8	4,0	17	2,2	3	0,044	
15	12	Du			6	2,0	20	2,2	3	0,026	
16	13	Vạng			8	4,1	19	2,2	2	0,034	
17	14	Vạng			8	2,6	17	2,2	1	0,009	
18	15	Trẹo			6	3,0	23	2,2	1	0,015	
19	16	Tạp			8	3,3	19	2,2	6	0,082	

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m ³ hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài(10)	Dài	Rộng	Đường kính (ván) hoặc chiều dày			
20	17	Tạp			8	2,0	20	2,2	2	0,017	
21	18	Tạp			8	3,8	20	2,2	3	0,050	
22	19	Tạp			8	4,1	20	2,2	4	0,072	
23	20	Tạp			8	3,1	20	2,2	2	0,027	
24	21	Tạp			8	2,4	19	2,2	2	0,020	
25	22	Vạng			8	3,0	19	2,2	2	0,025	
26	23	Vạng			8	4,4	19	2,2	2	0,036	
27	24	Tạp			8	3,4	20	2,2	10	0,149	
Tổng:									179	2,015	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê:

- Khối lượng/trọng lượng, số lượng: 179 tấm, thanh gỗ = 2,015m³